

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 6 - 2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Ông Trần Trọng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim T, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 05/3/2021, bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn T có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q(nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/9/2001. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống sau này.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Đoàn Đình Anh T, sinh ngày 09/11/2002 và Đoàn Phước L, sinh ngày 05/02/2008. Nếu vợ chồng ly hôn

thì nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu Đoàn Phước L, còn cháu Đoàn Đình Anh T đã trưởng thành, sau này cháu muốn ở với ai là tùy cháu, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021, anh Đoàn Văn T trình bày:

Anh và chị Đình Thị Kim T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không phù hợp, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày. Nếu ly hôn anh nhất trí giao cháu Đoàn Phước L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu đang ở với chị T, còn cháu Đoàn Đình Anh T đã trưởng thành.

Quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn T; căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đình Thị Kim T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đoàn Văn T; về con chung: giao cháu Đoàn Phước L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Đoàn Đình Anh T đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung: Hai bên thỏa thuận tự giải quyết nên không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự có mặt tại Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng anh T không có mặt, Tòa án đã phối hợp với cán bộ tư pháp xã Q đến tại nhà của anh T để lấy lời khai và anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, ngày 14/6/2021, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị Kim Th có đơn yêu cầu ly hôn anh Đoàn Văn T, hiện tại anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Đoàn Văn T, song xét thấy do điều kiện, công việc nên anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình và chính quyền địa phương cho phép đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2001, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã nên đã sống ly thân từ năm 2015 nhưng trong thời gian này vợ chồng vẫn qua lại với nhau, từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng mới thực sự ly thân, không ai quan tâm đến ai, còn anh T lại cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị T và anh T chưa đến mức trầm trọng, do trong cuộc sống giữa chị T và anh T chưa tìm được tiếng nói chung nên bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, chị T và anh T xác định tình cảm không còn nên đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Kim T, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T có 02 con chung là : Đoàn Đình Anh T, sinh ngày 09/11/2002 và Đoàn Phước L, sinh ngày 05/02/2008. Nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của chị T xin được nuôi cháu Đoàn Phước L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, còn cháu Đoàn Đình Anh T đã trưởng thành, sau này cháu muốn ở với ai là tùy cháu và anh T cũng nhất trí. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L ở với chị T và hiện tại cháu L đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, xét nguyện vọng của chị T xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L

là hoàn toàn chính đáng và phù hợp nên căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đoàn Phước L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; đối với cháu Đoàn Đình Anh T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị T và anh T có một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Đinh Thị Kim T phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đoàn Văn T

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Kim T được ly hôn với anh Đoàn Văn T

3. Về quan hệ con chung: Giao con Đoàn Phước L, sinh ngày 05/02/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị T không có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đinh Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007087, ngày 10/3/2021.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà